

CƠ HỘI TRỞ THÀNH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI THIẾT BỊ ĐIỆN MẶT TRỜI CỦA HÙNG VIỆT



AUXSOL BẮM TẢI



ASN-5SL-Plus



Model: ASN-5SL-Plus

**Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm**

ASN-10SL



Model: ASN-10SL

**Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (32A/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm**

ASN-6SL-Plus



Model: ASN-6SL-Plus

**Biến tần 1 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick
2MPPT (16/16A), PV Max input 150%,
IP66, WIFI, AFCI, CT
Bảo hành 10 năm**

ASN-10TL-G2



Model: ASN-10TL-G2

**Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick,
meter 2MPPT (20/20A), PV Max input
150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm**

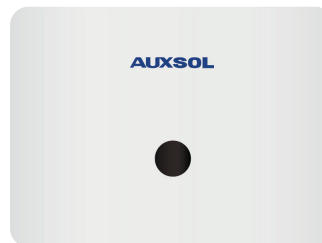
ASN-20TL



Model: ASN-20TL

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-40TL



Model: ASN-40TL

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A/40A/20A/20A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-25TL-G2



Model: ASN-25TL-G2

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 2MPPT (32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

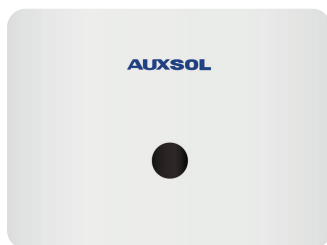
ASN-50TL-G2



Model: ASN-50TL-G2

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 4MPPT (40A*4), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-30TL-G2



Model: ASN-30TL-G2

Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 3MPPT (40A/32A/32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

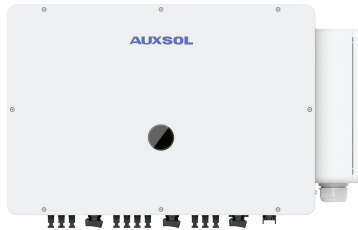
ASN-75TL-G2



Model: ASN-75TL-G2

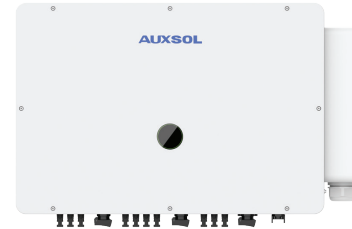
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick, meter 5MPPT (5*32A), PV Max input 150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter Bảo hành 10 năm

ASN-99TL



Model: ASN-99TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, wifi stick,
meter 10MPPT (10*32A), PV Max input
150%, IP66, WIFI, AFCI, CT, meter
Bảo hành 10 năm

ASN-110TL



Model: ASN-110TL
Biến tần 3 pha hòa lưới kèm CT, Wifi Stick,
Meter 10MPPT(10*32A), PV Max Input
150%, IP66, AFCI
Bảo hành 10 năm

AUXSOL HYBRID



ASG-6SL-ZL



Model: ASG-6SL-ZL- Hybrid
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất PV chuyển đổi:9Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-8SL-ZL



Model: ASG-8SL-ZL- Hybrid
|Số MPPT: 2mppt |Số string:4
|Max PV input:16Kw
|Công suất PV chuyển đổi:12Kw
Bảo hành 5 năm

ASG-20TL-ZH



Model: A ASG-20TL-ZH
2MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 30KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 10 năm

SOLIS BẮM TẮI

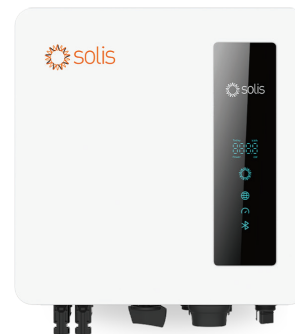


S6-GR1P3K-M



Model: S6-GR1P3K-M
|Số MPPT: 1mppt |Số string:1
|Max PV input:4,5Kw
|Công suất hòa lưới:3Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P5K-S



Model: S6-GR1P5K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GR1P6K-S



Model: S6-GR1P6K-S
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:9Kw
|Công suất hòa lưới:6Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P5K



Model: S5-GR3P5K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:7,5Kw
|Công suất hòa lưới:5Kw
Bảo hành 5 năm

S6 GR1P8K2



Model: S6 GR1P8K2
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:12Kw
|Công suất hòa lưới:8Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P10K



Model: S5-GR3P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR1P10K



Model: S5-GR1P10K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:2
|Max PV input:15Kw
|Công suất hòa lưới:10Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P15K



Model: S5-GR3P15K
|Số MPPT: 2mppt |Số string:4
|Max PV input:22,5Kw
|Công suất hòa lưới:15Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GR3P20K



Model: S5-GR3P20K
|Số MPPT: 2mppt
|Số string:4 |Max PV input:30Kw
|Công suất hòa lưới:20Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC40K



Model: S5-GC40K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:60Kw
|Công suất hòa lưới:40Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC30K



Model: S5-GC30K
|Số MPPT: 3mppt |Số string:6
|Max PV input:45Kw
|Công suất hòa lưới:30Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC50K



Model: S5-GC50K
|Số MPPT: 4mppt |Số string:8
|Max PV input:75Kw
|Công suất hòa lưới:50Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC25K



Model: S5-GC25K
|Số MPPT: 3mppt
|Số string:6 |Max PV input:37,5Kw
|Công suất hòa lưới:25Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC60K



Model: S5-GC60K
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:90Kw
|Công suất hòa lưới:60Kw
Bảo hành 5 năm

80K-5G-PRO



Model: Solis-80K-5G-PRO
|Số MPPT: 6mppt |Số string:12
|Max PV input:104Kw
|Công suất hòa lưới:80Kw
Bảo hành 5 năm

S5-GC110K



Model: S5-GC110K
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:143Kw
|Công suất hòa lưới:110Kw
Bảo hành 5 năm

3P100KW-5G PRO



Model: 3P100KW-5G PRO
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:130Kw
|Công suất hòa lưới:100Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC125K



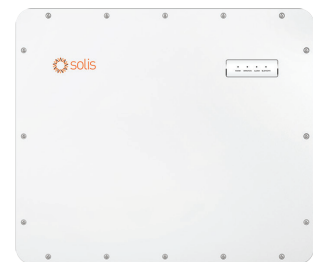
Model: S6-GC125K
|Số MPPT: 10mppt |Số string:20
|Max PV input:187,5Kw
|Công suất hòa lưới:125Kw
Bảo hành 5 năm

Solis 3P110KW-5G PRO



Model: Solis 3P110KW-5G PRO
|Số MPPT: 8mppt |Số string:16
|Max PV input:143Kw
|Công suất hòa lưới:110Kw
Bảo hành 5 năm

S6-GC3P150K07-NV-ND



Model: S6-GC3P150K07-NV-ND
|Số MPPT: 7mppt |Số string:21
|Max PV input:225Kw
|Công suất hòa lưới:150Kw
Bảo hành 5 năm

SOLIS HYBRID



S6-EH1P3K-L-PRO



Model: S6-EH1P3K-L-PRO
2MPPT, 2 String
Max PV input: 6KW
Max PV chuyển đổi: 4,8KW
Công suất hòa lưới: 3KW
Công suất backup: 3KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P6K-L-PLUS



Model: S6-EH1P6K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 12KW
Max PV chuyển đổi: 9.6KW
Công suất hòa lưới: 6KW
Công suất backup: 6KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P5K-L-PLUS



Model: S6-EH1P5K-L-PLUS
2MPPT, 2 String
Max PV input: 10KW
Max PV chuyển đổi: 8KW
Công suất hòa lưới: 5KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P8K-L-PLUS



Model: S6-EH1P8K-L-PLUS
2MPPT, 4 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P12K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P12K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19.2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EL 1P5K-48



Model: S6-EL 1P5K-48
1MPPT, 2 String
Max PV input: 6,5 KW
Max PV chuyển đổi: 6,5 KW
Công suất backup: 5KW
Bảo hành 2 năm

S6-EH1P14K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P14K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 28KW
Max PV chuyển đổi: 22,4KW
Công suất hòa lưới: 14KW
Công suất backup: 14KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P8K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P8K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 16KW
Max PV chuyển đổi: 12.8KW
Công suất hòa lưới: 8KW
Công suất backup: 8KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH1P16K03-NV-YD-L



Model: S6-EH1P16K03-NV-YD-L
3MPPT, 6 String
Max PV input: 32KW
Max PV chuyển đổi: 25,6KW
Công suất hòa lưới: 16KW
Công suất backup: 16KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P10K02-NV-YD-L
2MPPT, 3 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P12K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P12K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 24KW
Max PV chuyển đổi: 19,2KW
Công suất hòa lưới: 12KW
Công suất backup: 12KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P10K2-H



Model: S6-EH3P10K2-H
2MPPT, 2 String
Max PV input: 20KW
Max PV chuyển đổi: 16KW
Công suất hòa lưới: 10KW
Công suất backup: 10KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P15K02-NV-YD-L
2MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K-H



Model: S6-EH3P15K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 30KW
Max PV chuyển đổi: 24KW
Công suất hòa lưới: 15KW
Công suất backup: 15KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P6K2-H



Model: S6-EH3P6K2-H
2MPPT, 2 String
Max PV input: 12KW
Max PV chuyển đổi: 9,6KW
Công suất hòa lưới: 6KW
Công suất backup: 6KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P20K-H



Model: S6-EH3P20K-H
4MPPT, 4 String
Max PV input: 40KW
Max PV chuyển đổi: 32KW
Công suất hòa lưới: 20KW
Công suất backup: 20KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P12K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P30K-H
3MPPT, 6 String
Max PV input: 60KW
Max PV chuyển đổi: 48KW
Công suất hòa lưới: 30KW
Công suất backup: 30KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P15K02-NV-YD-L



Model: S6-EH3P40K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 80KW
Max PV chuyển đổi: 64KW
Công suất hòa lưới: 40KW
Công suất backup: 40KW
Bảo hành 5 năm

S6-EH3P6K2-H



Model: S6-EH3P50K-H
4MPPT, 8 String
Max PV input: 100KW
Max PV chuyển đổi: 96KW
Công suất hòa lưới: 50KW
Công suất backup: 50KW
Bảo hành 5 năm

HUAWEI HYBRID VÀ PHỤ KIỆN



SUN2000-5KTL-LB0

Model: SUN2000-5KTL-LB0

Max DC power: 7,500(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 2**
- **Max. Number of strings: 1**
- **Max Charger: 6,000W**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-8K-LC0

Model: SUN2000-8K-LC0

Max DC power: 12,000(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 3**
- **Max. Number of strings: 3**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-6KTL-LB0

Model: SUN2000-6KTL-LB0

Max DC power: 9,000(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 2**
- **Max. Number of strings: 1**
- **Max Charger: 6,000W**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-6KTL-LB0

Model: SUN2000-6KTL-LB0

Max DC power: 15,000(Wp)

- **Max DC Voltage: 600 (Vdc)**
- **MPPT voltage range: 40-560 (Vdc)**
- **Rated PV Input Voltage: 360 (Vdc)**
- **Number of MPP tracker: 3**
- **Max. Number of strings: 3**

Bảo hành 10 năm



SUN2000-8K-MAP0



Model: SUN2000-8K-MAP0

- Max DC power: 14,600(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
- Number of MPP tracker: 2
- Max. Number of strings: 1
- Max Charger: 12,000W

Bảo hành 10 năm

SUN2000-8K-LC0



SmartGuard-63A-S0

Điện áp định mức: 240VAC

- Dòng tối đa từ lưới: 63A
- Dòng tối đa từ Inverter: 60A
- Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
- Dòng tối đa cho tải thường: 63A

SUN2000-10K-MAP0



Model: SUN2000-10K-MAP0

- Max DC power: 18,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
- Number of MPP tracker: 2
- Max. Number of strings: 1
- Max Charger: 12,000W

Bảo hành 10 năm

SUN2000-6KTL-LB0



SmartGuard-63A-T0

Điện áp định mức: 415VAC

- Dòng tối đa từ lưới: 63A
- Dòng tối đa từ Inverter: 60A
- Dòng tối đa cho tải dự phòng: 63A
- Dòng tối đa cho tải thường: 63A

SUN2000-12K-MAP0



Model: SUN2000-12K-MAP0

- Max DC power: 22,000(Wp)
- Max DC Voltage: 1,100 (Vdc)
- MPPT voltage range: 160 - 1,000 (Vdc)
- Rated PV Input Voltage: 600 (Vdc)
- Number of MPP tracker: 2
- Max. Number of strings: 1
- Max Charger: 12,000W

Bảo hành 10 năm

Thiết bị giám sát SDongleA-05



Model: Thiết bị giám sát SDongleA-05

Bộ kết nối hệ thống giám sát Fusion Solar

SUN2000-5KTL-LB0



SmartPS-100A-S0

- Tổ đấu dây: 1P2W
- Điện áp: 176-288VAC
- Dải đo: 0-100A
- Kết nối Modbus-RTU
- Kèm cảm biến dòng 100A/40mA

SUN2000-6KTL-LB0



SmartPS-250A-T0

- Tổ đấu dây: 3P4W / 3P3W
- Điện áp: 176-288VAC
- Dải đo: 0-250A
- Kết nối Modbus-RTU
- Kèm cảm biến dòng 250A /50mA

SUNGROW



GIẢI PHÁP LƯU TRỮ ĐIỆN THÔNG MINH
CHO MỌI NGÔI NHÀ



MG5RL

Model: MG5RL

- Công suất AC định mức: 5kW (1 pha)
- Công suất DC đầu vào tối đa: 8kWp
- MPPT: 5 MPPT,
- Công suất sạc tối đa: 5kW
- Công suất xả tối đa: 5kW
- Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
- Khối lượng: 18 kg
- Bảo hành: 5 năm



MG6RL

Model: MG6RL

- Công suất AC định mức: 6kW (1 pha)
- Công suất DC đầu vào tối đa: 9.6kWp
- Công suất backup: 6kVA
- Công suất sạc tối đa: 6kW
- Công suất xả tối đa: 6kW
- Kích thước: 532 × 340 × 208 mm
- Khối lượng: 18 kg
- Bảo hành: 5 năm



PIN LITHIUM EASYWAY



Easyway 5200



Model No: Easyway 5200
Dung lượng: 5,22kwh, DOD 90%
Điện áp: 51.2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 50A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 41kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10kWhs



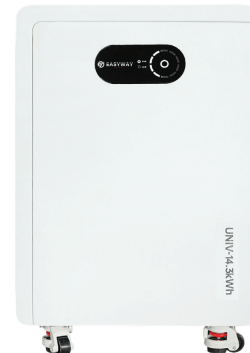
Model: UNIV-10kWh S
Dung lượng: 10,24 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 100A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 94kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-LV ST7600



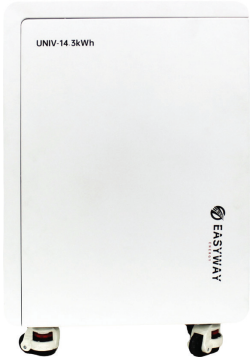
Model: UNIV-LV ST7600
Dung lượng: 7,68 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 75A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 62kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-14.3kWh S



Model No: UNIV-14.3kWh S
Dung lượng: 14,3 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 140A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 140kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-14.3kWh FS



Model No: UNIV-14.3kWh FS
Dung lượng: 14,3 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 140A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 112kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh (II)



Model: UNIV-16 kWh II
Dung lượng: 16 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-14.3kWh

Model No: UNIV-14.3kWh
Dung lượng: 14,3 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 140A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 112kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 16 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh WP



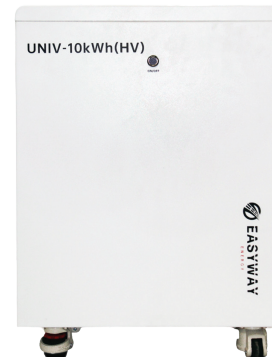
Model: UNIV-16 kWh WP
Dung lượng: 16,08 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-16 kWh (I)



Model: UNIV-16 kWh I
Dung lượng: 16 kwh
DOD 90% ,Điện áp: 51,2V
Dòng xả/ xả liên tục (max) 200A
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 120kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 20 pack
Bảo hành 10 năm

UNIV-10 kWh HV



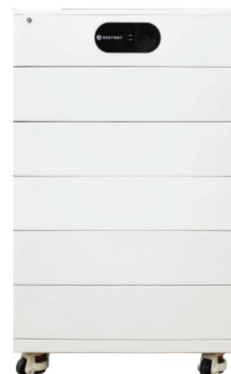
Model: UNIV-10 kWh HV
Dung lượng: 10 kwh
Điện áp định mức: 384V
Dòng điện định mức 16A, DOD 90%
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP65 trọng lượng 88kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song 16 pack
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 15 KWH



Model: Pin Lithium 15kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST15k
153.6V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 38 KWH



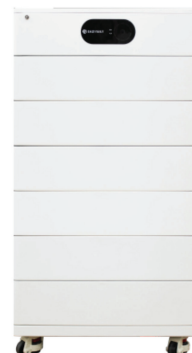
Model: Pin Lithium 38kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST38k
384V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 23 KWH



Model: Pin Lithium 23kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST23k
230.4V100Ah
Bảo hành 10 năm

Pin Lithium 46kWh



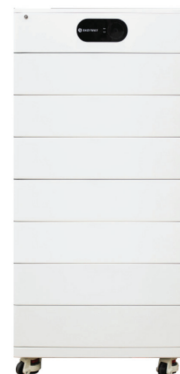
Model: Pin Lithium 46kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST46k
460.8V100Ah
Bảo hành 10 năm

EASYWAY 31 KWH



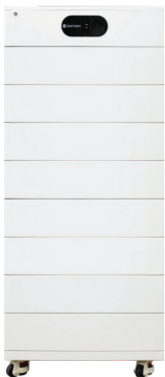
Model: Pin Lithium 31kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST31k
307.2V100Ah
Bảo hành 10 năm

Pin Lithium 54kWh



Model: Pin Lithium 54kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV ST54k
537.6V100Ah
Bảo hành 10 năm

Pin Lithium 62kWh



Model: Pin Lithium 62kWh
Pin lưu trữ Easyway UNIV-HV
ST62k 614.4V100Ah
Bảo hành 10 năm

PIN LITHIUM DYNESS

[LEARN MORE](#)



DYNESS DL5.0C



Model: DL5.0C
Dung lượng: 5kwh, Điện áp: 51.2V
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 50A (75A)
Truyền thông: CAN2.0/ RS485/ RS232
IP20 trọng lượng 50kg
Cell LFP >=8000 cycles
Có thể ghép song song lên tới 50 pack
Bảo hành 7 năm

DYNESS POWER BRICK



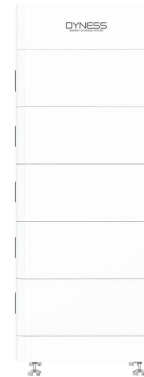
Model: Power Brick
Dung lượng: 14.336kWh
Điện áp: 51.2V - 280 Ah
Dòng sạc/ xả liên tục (max) 140A (200A)
Truyền thông: CAN2.0/ RS485
IP20 trọng lượng 114kg
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T7



Model: Tower T7
1 BDU & BASE, 2 PACK HV9637
Dung lượng: 7.1kwh
DOD 95%. Điện áp: 192V
Công suất xả xả liên tục 4.26kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 105kg
Cell LFP >6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T17



Model: Tower T17
1 BDU & BASE, 5 PACK HV9637
Dung lượng: 17.76 kwh
DOD 95%, Điện áp: 480V
Công suất xả xả liên tục 10.65kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

DYNESS TOWER T10



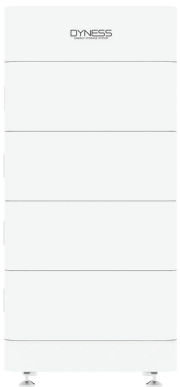
Model: Tower T10
1 BDU & BASE, 3 PACK HV9637
Dung lượng: 10.66 kwh
DOD 95%. Điện áp: 288V
Công suất xả xả liên tục 6.39kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 146kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

DYNESS TOWER T21



Model: Tower T21
1 BDU & BASE, 6 PACK HV9637
Dung lượng: 21.31 kwh
DOD 95%, Điện áp: 576V
Công suất xả xả liên tục 12.78kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP65 trọng lượng 228kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm.

DYNESS TOWER T14



Model: Tower T14
1 BDU & BASE, 4 PACK HV9637
Dung lượng: 14.33 kwh
DOD 95%, Điện áp: 384V
Công suất xả xả liên tục 8.52kW
Truyền thông: CAN2.0/RS485/Wifi/LAN
IP54 trọng lượng 187kg
Cell LFP > 6000 cycles
Bảo hành 10 năm

STACK100

Tailored for light C&I ESS
indoor needs



Dyness Stack100 15,36 Kwh



Model: Dyness Stack100 15,36 Kwh

1 BDU & BASE, 3 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 15,36 kwh

DOD 95%, Điện áp: 153,6 V

Công suất xả xả liên tục 7,68kW

IP20

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 25,6 Kwh



Model: Dyness Stack100 25,6 Kwh

1 BDU & BASE, 5 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 25,6 kwh

DOD 95%, Điện áp: 256 V

Công suất xả xả liên tục 12,8 kW

IP20

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 20,48 Kwh



Model: Dyness Stack100 20,48 Kwh

1 BDU & BASE, 4 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 20,48 kwh

DOD 95%, Điện áp: 204,8 V

Công suất xả xả liên tục 10,24kW

IP20

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 30,72 Kwh



Model: Dyness Stack100 30,72 Kwh

1 BDU & BASE, 6 PACK 5,12 Kwh

Dung lượng: 30,72 kwh

DOD 95%, Điện áp: 307,2 V

Công suất xả xả liên tục 15,36 kW

IP20

Cell LFP > 8000 cycles

Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 35,84 Kwh



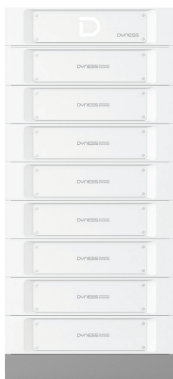
Model: Dyness Stack100 35,84 Kwh
1 BDU & BASE, 7 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 35,84 kwh
DOD 95%, Điện áp: 358,4 V
Công suất xả xả liên tục 17,92 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 51,2 Kwh



Model: Dyness Stack100 51,2 Kwh
1 BDU & BASE, 10 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 51,2kwh
DOD 95%, Điện áp: 512 V
Công suất xả xả liên tục 25,6 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 40,96 Kwh



Model: Dyness Stack100 40,96 Kwh
1 BDU & BASE, 8 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 40,96 kwh
DOD 95%, Điện áp: 409,6 V
Công suất xả xả liên tục 20,48 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

Dyness Stack100 46,08 Kwh

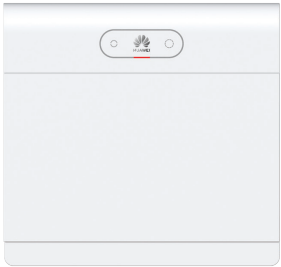


Model: Dyness Stack100 46,08 Kwh
1 BDU & BASE, 9 PACK 5,12 Kwh
Dung lượng: 46,08 kwh
DOD 95%, Điện áp: 460,8 V
Công suất xả xả liên tục 23,04 kW
IP20
Cell LFP > 8000 cycles
Bảo hành 10 năm.

PIN LITHIUM HUAWEI



LUNA2000-7-S1

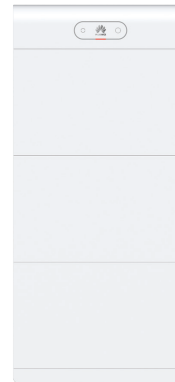


Model: LUNA2000-7-S1

Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO4)- Dung lượng: 6.9kWh

- **Kích thước: 590x255x510mm**
 - **Trọng lượng: 80kg**
 - **Công suất xả tối đa: 3,5kW**
 - **Giao thức: RS485/FE/CAN**
- Bảo hành 10 năm**

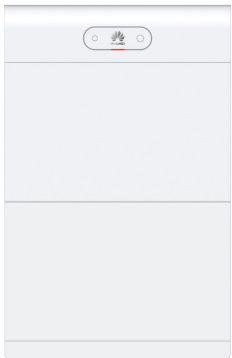
LUNA2000-21-S1



Model: LUNA2000-21-S1

- **Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO4)**
 - **Dung lượng: 20,7kWh**
 - **Kích thước: 590x255x1230 mm**
 - **Trọng lượng: 216 kg**
 - **Công suất xả tối đa: 10,5kW**
 - **Giao thức: RS485/FE/CAN**
- Bảo hành 10 năm**

LUNA2000-14-S1



Model: LUNA2000-14-S1

Công nghệ pin: Lithium iron Phosphate (LiFePO4)- Dung lượng: 13,8kWh

- **Kích thước: 590x255x870 mm**
 - **Trọng lượng: 148 kg**
 - **Công suất xả tối đa: 7kW**
 - **Giao thức: RS485/FE/CAN**
- Bảo hành 10 năm**

TẮM PIN JA

460w

JAM54D40/LB

(1762mmX1134mm)

595w

JAM72D40/MB

(2278mmX1134mm)

620w

JAM66D45/LB

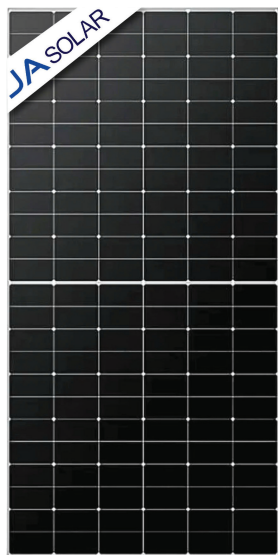
(2382mmX1134mm)

640w

JAM72D42/LB

(2465mmX1134mm)

JA SOLAR 600



Model: JA SOLAR 600

Tấm pin JA 600Wp Ntype hai mặt kính

JAM72D40 600/MB, hiệu suất 23,2%

Bảo hành 12 năm vật lý 30 năm hiệu suất

JA SOLAR 625



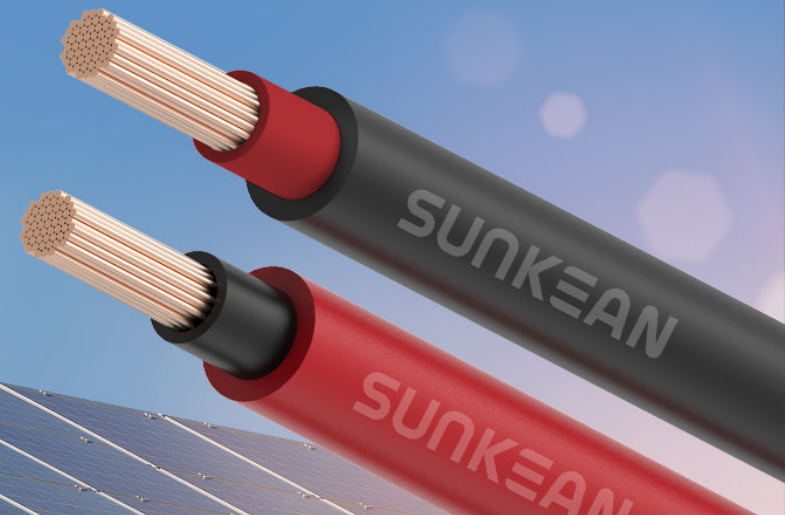
Model: JA SOLAR 625

Tấm pin JA 625Wp Ntype hai mặt kính

JAM72D42 625/LB, hiệu suất 22,3%

Bảo hành 12 năm vật lý 30 năm hiệu suất

CÁP SUNKEAN



CÁP SUNKEAN 4MM



Model: CÁP SUNKEAN 4MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 5.50

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 5.09

Bảo hành 10 năm

CÁP SUNKEAN 10MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 7.20

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 1.95

Bảo hành 10 năm

CÁP SUNKEAN 6MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

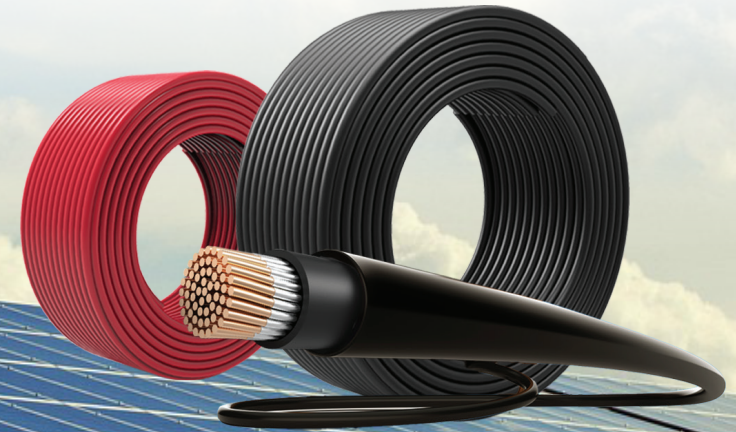
Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 6.10

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 3.39

Bảo hành 10 năm

CÁP LEADER



CÁP LEADER 4MM



Model: CÁP SUNKEAN 4MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 5.50

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 5.09

Bảo hành 5 năm

CÁP LEADER 10MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 7.20

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 1.95

Bảo hành 5 năm

CÁP LEADER 6MM



Model: CÁP SUNKEAN 6MM

Độ dày cách điện (mm) - 0.70

Độ dày của áo khoác (mm) - 0.80

Đường kính cáp (mm) - 6.10

Điện trở dẫn điện tối đa (Ω /km, 20°C) - 3.39

Bảo hành 5 năm